

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/TCDS - ST

Ngày: 30-9-2020

V/v chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Cầm

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST - TCDS ngày 14-02-2020 về
tranh chấp “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-8-2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Văn H; sinh năm 1972; ĐKKHKT (nơi ở): Đội 2,
xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn:

1. Anh Ngô Văn C; sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 25, phường C, đường L,
thành phố H Bình, tỉnh H Bình.

2. Chị Ngô Thị H; sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam
Định.

3. Chị Ngô Thị H; sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 25, phường C, đường L, thành
phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt anh H; anh C, chị H xin xét xử vắng mặt; chị H được
triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14-02-2020, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Ngô Văn H là nguyên đơn trình bày như sau:

Bố mẹ anh là ông Ngô Văn N và bà Vũ Thị K sinh được 04 người con là anh Ngô Văn C, chị Ngô Thị H, chị Ngô Thị H và anh là Ngô Văn H. Mẹ anh là bà Vũ Thị K chết năm 1995, bố anh là Ngô Văn N chết năm 2017. Bố mẹ anh chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản. Khối di sản bố mẹ anh để lại gồm:

- Thừa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, diện tích 612m², trong đó 185m² đất ở, và 427m² đất vườn, địa chỉ thửa đất: Đội 2, xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, có các cạnh: Phía Đông giáp đất ông C, ông C và anh H; phía Tây giáp với đất ông T, ông N; phía Nam giáp ngõ đi và đất anh H; phía Bắc giáp đất ông D. Đất được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 165658 ngày 31-12-2015 cho người sử dụng đất là ông Ngô Văn N, trị giá đất là 124.525.000 đồng. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Ngô Văn C đang quản lý.

- Các tài sản xây dựng trên thửa đất 60, tờ bản đồ số 2-I gồm: Nhà cấp 4 lợp mái tôn, diện tích 59,74m², xây dựng khoảng năm 2005, trị giá 15.697.000 đồng; Bếp + công trình phụ khép kín, mái lợp tôn, diện tích 16,82m² xây dựng năm 2017, phần bếp công trình phụ này xây dựng nối liền với nhà cấp 4, móng độc lập và phần tường phía tây gá vào tường của nhà cấp 4 (chung 01 tường của nhà cấp 4) trị giá 25.622.000 đồng; Bể nước giá 607.000 đồng; giếng nước giá 753.000 đồng; Sân bê tông láng xi măng, diện tích 66m² trị giá 8.712.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 51.391.000 đồng. Toàn bộ công trình trên đất do bố mẹ anh xây dựng khi còn sống, riêng phần sân anh đã làm lại vào năm 2017 nhưng anh không yêu cầu Tòa án xác định công sức đóng góp của anh mà anh đưa vào khối di sản của bố mẹ anh để phân chia. Sau khi bố anh chết thì toàn bộ công trình xây dựng trên đất vẫn giữ nguyên hiện trạng, không xây dựng hoặc sửa chữa gì. Hiện nay nhà do anh C khóa cửa cầm chìa khóa không cho anh vào thờ cúng.

- Đối với đất nông nghiệp:

Theo bản đồ địa chính năm 1989 thì bố anh là ông Ngô Văn N đứng tên chủ hộ sử dụng diện tích đất nông nghiệp gồm các thửa đất nông nghiệp như sau: Thửa số 97, tờ bản đồ số 7, năm 1989 thuộc Cửa Đình có diện tích 487m²; Thửa 270, tờ bản đồ số 1, năm 1989 thuộc xứ Đ có diện tích 484m²; Thửa đất 383, tờ bản đồ số 7 thuộc xứ Đồng H có diện tích 896m²; thửa đất số 36, tờ bản đồ số 2 thuộc xứ Đồng G có diện tích 878m². Tổng diện tích đất nông nghiệp là: 2.745m². Những người được quyền quản lý và sử dụng đất nông nghiệp trên gồm 04 nhân khẩu là Ngô Văn N, Vũ Thị K, Ngô Thị H, Ngô Văn H. Hiện nay toàn bộ diện tích đất

nông nghiệp của xã L, huyện V đã được dồn điền đổi thửa. Theo bản đồ năm 2017 thì đất nông nghiệp của hộ ông Ngô Văn N được dồn thành 03 thửa thuộc 03 xứ đồng: Thửa số 41, 104 tờ bản đồ số 24 thuộc xứ Đồng G B tạm đứng tên anh H, chị H có diện tích 1.692m²; Thửa số 147, tờ bản đồ số 33, thuộc xứ Đồng M tạm đứng tên anh H có diện tích 510m²; thửa số 277, 278 tờ bản đồ số 43 thuộc xứ Cửa Đình tạm đứng tên chị H, anh H có diện tích là 468m². Tổng diện tích của các thửa đất sau dồn điền đổi thửa là 2.670m², diện tích đất nông nghiệp ít hơn so với bản đồ năm 1989 là 75m² là do chủ trương dồn điền đổi thửa lấy đất làm thủy lợi nội đồng phục vụ mục đích công cộng nên anh không có ý kiến gì và đồng ý với diện tích đất nông nghiệp thực tế đo được là 2.670m² trị giá 133.500.000 đồng. Sau khi bố mẹ anh chết thì đất nông nghiệp thuộc khẩu của ông N, bà K, chị H, anh H vẫn chưa được chia tách; anh H xác định trong 2.670m² đất nông nghiệp thì phần của anh và chị H chiếm $\frac{1}{2} = 1.335\text{m}^2$; đất nông nghiệp là di sản thừa kế của bố mẹ anh là 1.335m² trị giá 66.750.000 đồng.

- Tiền: Số tiền bố anh để lại hiện nay anh Ngô Văn C giữ 25.000.000 đồng; chị H giữ tiền sổ tiết kiệm 16.000.000 đồng; tổng là 41.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này do bố anh tiết kiệm được khi còn sống.

Đối với phần nghĩa vụ tài sản cũng như chi phí mai táng phí lo hậu sự cho bố mẹ, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24-8-2020, anh H có đơn rút yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với số tiền 41.000.000 đồng vì lý do anh không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Tổng giá trị tài sản là di sản thừa kế của ông N, bà K anh H đề nghị chia gồm: thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, diện tích 612m² đứng tên ông Ngô Văn N trị giá 124.525.000 đồng; công trình xây dựng trên đất 51.391.000 đồng; đất nông nghiệp trị giá 66.750.000 đồng, tổng giá trị anh đề nghị phân chia di sản thừa kế của ông N, bà K là: 242.666.000đ (*Hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Anh H đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế như sau: Toàn bộ di sản thừa kế được chia theo hiện vật.

+ Đối với Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I năm 2004, địa chỉ: Đội 2, xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định đứng tên ông Ngô Văn N và các công trình xây dựng trên đất: Anh H xin được nhận phần đất ở có nhà bếp + công trình phụ khép kín tiếp giáp với thửa đất của gia đình anh, đất vườn anh đề nghị kéo dài thẳng theo đất ở ra phía sau; anh chỉ xin nhận phần đất ở và đất vườn đúng với kỹ phần thừa kế của anh được hưởng. Phần nhà bếp, công trình phụ này được xây dựng nối liền với nhà cấp 4, móng độc lập và phần tường phía tây gá vào tường của nhà cấp 4 (chung 01 tường của nhà cấp 4) nên có thể tách rời được với nhà cấp 4; Phần

nhà, đất ở, đất vườn còn lại đề nghị Tòa án phân chia cho các đồng thừa kế; anh C là con trai cả, khi về quê thờ cúng bố mẹ cần có nơi ở nên anh H đề nghị nhường phần đất có nhà chính cho anh C. Nếu ai được giao phần tài sản nhiều hơn thì có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền cho người được nhận tài sản ít hơn.

+ Đối với phần đất nông nghiệp: Hiện nay anh C và chị H đều ở xa, anh là người trực tiếp canh tác trên các thửa đất nông nghiệp nên nhu cầu sản xuất của anh là lớn hơn các đồng thừa kế khác. Để đảm bảo thuận lợi cho việc trồng trọt, canh tác và đúng với chủ trương dồn điền đổi thửa của Nhà nước, anh đề nghị Tòa án không phân nhỏ tất cả các thửa đất ra để chia cho các đồng thừa kế mà chia đất cho các đồng thừa kế theo khu vực. Đối với diện tích đất ở đồng M và đồng Cửa Đình thì diện tích đất nhỏ, vì vậy đề nghị Tòa án giữ nguyên để giao cho 02 người. Anh H xin nhận toàn bộ diện tích đất thuộc xứ Đ; xứ Đồng G B diện tích đất rộng, đề nghị chia cho tất cả các đồng thừa kế, xứ Cửa Đình đề nghị giao cho 01 người. Anh H có nguyện vọng được nhận phần đất thuộc tiểu chuẩn và phần đất anh được thừa kế thuộc xứ Đồng G B và Đồng M.

Về số tiền tạm ứng chi phí tố tụng: Số tiền anh H đã nộp 10.000.000 đồng, chi phí hết 7.600.000 đồng vào việc xem xét thẩm định tại chỗ và việc đo đạc, định giá tài sản thừa kế; Quan điểm của anh H đề nghị tất cả các đồng thừa kế phải cùng nhau chịu số tiền chi phí tố tụng này. Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng anh H đã nộp còn lại 2.400.000 đồng, anh H chưa nhận lại số tiền này mà sẽ để Tòa án quyết định.

Tại các đơn tố cáo, đơn xin không có mặt tại Tòa án, anh Ngô Văn C là bị đơn trình bày:

Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H vì các lý do sau:

Ngày bố anh là ông N còn sống anh H luôn có hành vi chửi bới, hỗn láo với bố, ép bố phải sang tên toàn bộ đất đai cho anh ta; khi ông N qua đời đã không cùng anh chị em lo đám tang cho bố mà còn tìm cách phá đám, sau đó đòi chia tiền phúng viếng. Từ đó mỗi lần giỗ bố mẹ anh H lại tìm mọi cách khùng bố tinh thần, chửi bới các anh chị em. Ngay khi ông N bố anh còn sống đã có ý định từ mặt anh H, vì vậy nay anh đại diện cho anh chị em ruột còn lại từ mặt anh H.

Đối với toàn bộ khối tài sản đứng tên bố anh thì khi bố anh còn sống gia đình đã hợp mặt đầy đủ anh em và tuyên bố: Bố anh đã chia đất cho anh H, anh H tách đất làm nhà và chuyển toàn bộ tài sản ra nơi ở riêng nên không còn liên quan gì đến tài sản còn lại của bố anh; Đối với ngôi nhà cấp 4 thì bố anh giao toàn quyền cho anh quản lý, sử dụng làm nơi sinh sống mỗi lần về quê và nơi thờ cúng tổ tiên; đối với công trình là bếp + công trình phụ là do anh xây sau này (khi bố anh còn

sống); đối với đất nông nghiệp, nếu sau này Nhà nước thu hồi và được đền bù tiền thì phần đất của anh H và chị H thì trả lại cho anh H và chị H mỗi người 01 suất. Còn phần của bố mẹ anh là ông N, bà K giao cho anh quản lý và khi cần thiết thì dùng vào việc sửa chữa nâng cấp nhà thờ (nhà cấp 4).

Toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất ở và đất nông nghiệp hiện nay do anh giữ nhưng người trực tiếp sử dụng đất là anh H.

Đối với số tiền 41.000.000 đồng bố anh để lại thì anh em đã bàn bạc và thống nhất dùng vào việc xây mộ phần cho bố, sửa sang nâng cấp nhà thờ và hiện nay số tiền này anh đã sử dụng hết.

Anh C đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại đơn xin vắng mặt tại Tòa án, chị Ngô Thị H là bị đơn trình bày: Khi bố chị là ông N còn sống thì anh H đối xử với bố rất tệ bạc, ông N đã tuyên bố miệng rằng “Thằng H nó không phải là con tao”; đến lúc bố chị chết anh H cũng vẫn gây rối, chửi bới anh chị em trong đám hiếu, đám giỗ. Khi bố chị còn sống đã tuyên bố trước tất cả các con là đất ở và nhà cấp 4 giao anh C là con cả có trách nhiệm quản lý để lo hương khói cho ông bà tổ tiên; đối với đất nông nghiệp thì khi nào nhà nước thu hồi và đền bù tiền thì trả cho chị và anh H mỗi người 1 suất còn 02 suất của bố mẹ bà thì giao cho anh C quản lý dùng vào việc sửa chữa, nâng cấp nhà; đối với số tiền 41.000.000 đồng thì anh C đã dùng vào việc sửa chữa, xây dựng công trình bếp + nhà vệ sinh. Bản thân anh H đã được bố chị chia cho một phần đất khi ông còn sống, phần đất này khi bố chị tách cho anh H không có chữ ký đồng ý của chị. Nay chị H xác nhận anh H đã được chia phần riêng nên anh H không còn quyền lợi gì trong khối tài sản còn lại. Vì vậy chị không đồng ý chia di sản thừa kế mà giữ nguyên toàn bộ khối tài sản đúng như ý nguyện của bố chị đã tuyên bố trước các con.

Tại đơn trình bày, bản tự khai, chị Ngô Thị H là bị đơn trình bày: Những năm cuối đời của bố chị, anh H đối xử với ông rất tệ bạc, khi bố qua đời thì anh H không cùng anh chị em lo đám tang cho bố mà còn phá đám, chửi bới, đòi chia chác. Như vậy xét về mặt đạo đức anh H không xứng đáng được vào nhà thờ để thắp hương cho bố mẹ. Khi bố chị còn sống đã tuyên bố nhà và đất ở cho anh C; đất nông nghiệp thì phần của ai trả cho người ấy, phần của bố mẹ bà giao cho anh C quản lý để xây nhà thờ khang trang thêm và nâng cấp mộ mả. Vì vậy chị và anh C, chị H không có nhu cầu chia tài sản và phần di sản này không ai được phép chia mà để dùng vào việc thờ cúng ông bà, cha mẹ. Đối với số tiền 41.000.000 đồng anh C đã dùng vào việc sửa chữa nhà cấp 4, xây công trình phụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 91; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các điều 610, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự 2015. Điều 26; Điều 227; Điều 147; Điều 273; Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn H: Chia di sản thừa kế của ông Ngô Văn N và bà Vũ Thị K theo quy định của pháp luật.

+ Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Văn N và bà Vũ Thị K gồm: Anh Ngô Văn C, chị Ngô Thị H, Ngô Thị H và anh Ngô Văn H.

+ Xác định di sản thừa kế của ông N, bà K gồm:

- Thừa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, địa chỉ: Đội 2, xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, tổng diện tích: 612m², trong đó: 185m² đất ở, và 427m² đất vườn. Thừa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ngô Văn N, trị giá đất 124.525.000 đồng

- Các công trình xây dựng trên đất gồm: Nhà cấp 4 lợp mái tôn, diện tích 59,74m²; bếp và công trình phụ khép kín diện tích 16,82m²; bể nước; giếng; sân. Tổng giá trị là 51.391.000 đồng.

- Đất nông nghiệp: Cấp cho hộ ông Ngô Văn N có tổng diện tích là 1.335m². Giá trị đất nông nghiệp là 66.750.000 đồng.

+ Về việc chia di sản thừa kế: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị, vị trí các di sản thừa kế là diện tích đất ở, đất vườn, đất nông nghiệp và các tài sản trên đất để chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, không làm ảnh hưởng đến giá trị của các di sản thừa kế, có xem xét đến nguyện vọng của các bên. Người nào được nhận phần giá trị tài sản lớn hơn sẽ phải trả chênh lệch về tài sản cho người còn lại.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 41.000.000 đồng:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu chia di sản thừa kế thừa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, diện tích 612m² đứng tên ông Ngô Văn N, địa chỉ thừa đất: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, các công trình xây dựng trên đất và diện tích đất nông nghiệp là di sản thừa kế của ông N, bà K, do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời điểm mở thừa kế: Các đương sự đều xác định bà Vũ Thị K chết vào ngày 18-6-1995 (âm lịch); ông Ngô Văn N chết ngày 27-11-2017. Như vậy xác định thời điểm mở thừa kế đối với khối di sản của bà K là ngày 18-6-1995 và của ông N vào ngày 27-11-2017.

[3] Về diện và hàng thừa kế: Ông Ngô Văn N và bà Vũ Thị K có 04 người con là: Ngô Văn C, Ngô Thị H, Ngô Thị H và Ngô Văn H; bà K chết vào năm 1995, ông N chết vào năm 2017, như vậy anh C, chị H, chị H, anh H thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N, bà K theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự.

Anh C, chị H, chị H đều có ý kiến không chấp nhận anh H là anh em, anh H không đủ tư cách để được hưởng di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông N và bà K chết không để lại di chúc và cũng không có văn bản nào truất quyền thừa kế của anh H vì vậy anh H vẫn thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N và bà K, quan điểm của anh C, chị H, chị H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về di sản thừa kế:

- Theo anh H, di sản thừa kế của ông N, bà K gồm: Thừa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, địa chỉ: Đội 2, xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, diện tích 612m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 165658 ngày 31-12-2015 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Ngô Văn N. Các tài sản xây dựng trên đất gồm: Nhà cấp 4 lợp mái tôn, diện tích 59,74m², xây dựng khoảng năm 2005, trị giá 15.697.000 đồng; Bếp + công trình phụ khép kín (có 03 mặt tường), mái lợp tôn, diện tích 16,82m² xây năm 2017, trị giá 25.622.000 đồng; Bể nước giá 607.000 đồng; giếng nước giá 753.000 đồng; Sân bê tông láng xi măng, diện tích 66m² trị giá 8.712.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 51.391.000 đồng; Đất nông nghiệp cấp cho hộ ông Ngô Văn N có tổng diện tích là 1.335m² trị giá là 66.750.000 đồng.

- Anh Ngô Văn C, chị Ngô Thị H và chị Ngô Thị H đều khai nhận: Thừa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, địa chỉ: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định và phần đất nông nghiệp là tài sản của ông N, bà K. Khi ông N còn sống đã họp gia đình và quyết định để lại cho anh Ngô Văn C quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng; phần đất nông

ng nghiệp của ông bà thì khi nào Nhà nước thu hồi và được đền bù thì anh C quản lý tiền và dùng tiền đó vào việc xây dựng, nâng cấp nhà thờ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C, chị H, chị H không có chứng cứ chứng minh việc ông Ngô Văn N đã tặng cho phần tài sản trên cho anh Ngô Văn C, mặt khác ông Ngô Văn N và bà Vũ Thị K chết không để lại di chúc vì vậy xác định khối di sản thừa kế của ông N, bà K được chia thừa kế theo pháp luật gồm:

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, địa chỉ: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, tổng diện tích: 612m², trong đó: 185m² đất ở, và 427m² đất vườn; có các cạnh: Phía Đông giáp với đất ông C, ông C và anh H; phía Tây giáp đất ông T, ông N; phía Nam giáp ngõ đi và đất anh H; phía Bắc giáp đất ông D. Trị giá đất 124.525.000 đồng, đất được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 165658 ngày 31-12-2015 cho người sử dụng đất là ông Ngô Văn N.

- Tài sản xây dựng trên thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I gồm: Nhà cấp 4 lợp mái tôn, diện tích 59,74m², xây dựng khoảng năm 2005, trị giá 15.697.000 đồng; Bếp + công trình phụ khép kín (có 03 mặt tường), mái lợp tôn, diện tích 16,82m² xây năm 2017, trị giá 25.622.000 đồng; Bể nước giá 607.000 đồng; giếng nước giá 753.000 đồng; Sân bê tông láng xi măng, diện tích 66m² trị giá 8,712,000 đồng . Tổng giá trị tài sản trên đất là 51.391.000 đồng.

- Đất nông nghiệp: Theo bản đồ địa chính năm 1989 thì ông Ngô Văn N đứng tên chủ hộ sử dụng diện tích đất nông nghiệp gồm các thửa: Thửa số 97, tờ bản đồ số 7, năm 1989 thuộc Cửa Đình có diện tích 487m²; Thửa 270, tờ bản đồ số 1, năm 1989 thuộc xứ Đồng M có diện tích 484m²; Thửa 383, tờ bản đồ số 7 thuộc xứ Đồng H có diện tích 896m²; thửa số 36, tờ bản đồ số 2 thuộc xứ Đồng G có diện tích 878m². Tổng diện tích đất nông nghiệp là: 2.745m². Những người được quyền quản lý và sử dụng đất nông nghiệp trên gồm 04 nhân khẩu là Ngô Văn N, Vũ Thị K, Ngô Thị H, Ngô Văn H.

Theo bản đồ năm 2017, đất nông nghiệp của hộ ông Ngô Văn N sau dồn điền đổi thửa gồm các thửa: Thửa số 41, 104 tờ bản đồ số 24 thuộc xứ Đồng G B tạm đứng tên anh H, chị H có diện tích 1.692m²; Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 33, thuộc xứ Đồng M tạm đứng tên anh H có diện tích 510m²; thửa đất số 277, 278 tờ bản đồ số 43 thuộc xứ Cửa Đình tạm đứng tên chị H, anh H có diện tích là 468m². Tổng diện tích của các thửa đất sau dồn điền đổi thửa là 2.670m². Diện tích đất nông nghiệp trên thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông N, bà K, chị H, anh H. Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của xã L, huyện V sau khi dồn điền đổi thửa đã được đo đạc lại, giao cho các hộ dân tiếp tục sử dụng và được xây dựng bản đồ với số tờ, số thửa mới vào năm 2017; hộ ông Ngô Văn N đã nhận đất theo các thông

tin về số tờ, số thửa, diện tích của bản đồ năm 2017. Do đó Hội đồng xét xử lấy số liệu về đất nông nghiệp của hộ ông Ngô Văn N theo bản đồ địa chính năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã L làm căn cứ để giải quyết phân chia di sản thừa kế đối với đất nông nghiệp. Đối với phần đất nông nghiệp chênh lệch giữa bản đồ địa chính năm 1989 và bản đồ địa chính năm 2017 là 75m²: Diện tích đất giảm đi là theo chủ trương chung của Nhà nước về chính sách dồn điền, đổi thửa, diện tích đất này cắt ra để làm thủy lợi nội đồng, phục vụ mục đích công cộng, khi thực hiện việc dồn điền đổi thửa không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xác định đất nông nghiệp đứng tên hộ ông Ngô Văn N có tổng diện tích là 2.670m². Trong tổng số 2.670m² đất nông nghiệp thì phần của anh H và chị H được hưởng theo nhân khẩu là $\frac{1}{2}$ tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ ông N là 1.335m²; phần đất nông nghiệp là di sản thừa kế của ông N, bà K có diện tích là 1.335m² trị giá 66.750.000 đồng. Vì lý do đất nông nghiệp của chị H và anh H chưa được chia tách, vẫn nằm chung trong khối di sản thừa kế của ông N, bà K nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét, chia tách và giao đất cho anh H, chị H cùng với di sản thừa kế là đất nông nghiệp mà anh H, chị H được hưởng.

- Đối với số tiền 41.000.000 đồng: Anh H rút yêu cầu và không đề nghị giải quyết về số tiền này nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về kỹ phân thừa kế: Xác định phần di sản của ông N và bà K được chia thành 04 kỹ phần bằng nhau gồm anh C, chị H, chị H, anh H mỗi người được hưởng 01 kỹ phần. Kỹ phần thừa kế được chia theo hiện vật là đất, tài sản trên đất và giá trị tài sản chênh lệch. Như vậy mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng trị giá 60.666.000đ (*Sáu mươi triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

[7] Di sản thừa kế được chia cho các đồng thừa kế như sau:

* Đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I năm 2004; địa chỉ: Xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, tổng diện tích: 612m², trong đó: 185m² đất ở, và 427m² đất vườn trị giá 124.525.000 đồng và các tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4 trị giá 15.697.000 đồng; bếp, công trình phụ trị giá 25.622.000 đồng; bể nước giá 607.000 đồng; giếng nước giá 753.000 đồng; sân bê tông láng xi măng trị giá 8,712,000 đồng, tổng giá trị tài sản trên đất là 51.391.000 đồng. Trong số các tài sản là nhà đất trên, anh H xin được nhận phần đất ở có nhà bếp + công trình phụ khép kín tiếp giáp với thửa đất của gia đình anh và phần đất vườn kéo dài ra phía sau của phần đất ở có công trình phụ khép kín, anh H chỉ xin được nhận phần đất ở, đất vườn đúng với kỹ phần thừa kế anh được hưởng. Phần đất vườn và nhà, đất ở còn lại anh đề nghị chia cho các đồng thừa kế; anh C là con trai cả, khi về quê thờ cúng bố mẹ cần có nơi ở nên anh H đề nghị nhường phần đất có nhà chính cho anh C. Bên nào được

giao phần tài sản nhiều hơn thì thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền cho bên được nhận tài sản ít hơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm, nguyện vọng của anh H về việc phân chia di sản thừa kế là nhà đất và các tài sản xây dựng trên đất đối với di sản thừa kế của ông N, bà K là chính đáng, phù hợp với nhu cầu thực tế về sử dụng đất và cũng phù hợp với phong tục, tập quán của người Việt Nam.

Hội đồng xét xử phân chia di sản thừa kế như sau:

- Giao anh Ngô Văn H sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm: Diện tích đất 176,7m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, địa chỉ: Đội 2, xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, trong đó đất ở (ONT) là 42m², đất vườn (CLN) là 134,7m² trị giá 31.102.000 đồng, có các cạnh: Phía Đông có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đất anh H dài 14,9, 01 đoạn giáp đất ông C dài 10,3; phía Tây giáp đất chia cho anh C dài 24,8m; phía Nam có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đất anh H dài 10,7m, 01 đoạn giáp ngõ đi chung dài 2,8m; phía Bắc giáp đất chia cho anh C dài 12,8; trên đất gồm: Bếp, công trình phụ có khép kín (03 mặt tường) có diện tích 16,82m² và 25m² sân (25m² sân = 3.300.000đ) tổng trị giá tài sản trên đất là 28.922.000đ. Tổng giá trị tài sản anh H nhận là: 60.024.000đ (*Sáu mươi triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

- Giao anh Ngô Văn C sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm: Diện tích đất 435,3m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, địa chỉ: Đội 2, xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, trong đó đất ở (ONT) là 143m², đất vườn (CLN) là 292,3m² trị giá 93.422.500đ, có các cạnh: Phía đông có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đất chia cho anh H dài 24,8m, 01 đoạn giáp đất ông C dài 7,8m; phía Tây có 03 đoạn: 01 đoạn giáp đất ông T dài 17,4m; 02 đoạn giáp đất ông N dài 1,3m và 6,3m; phía Nam có 02 đoạn: 01 đoạn giáp ngõ đi chung dài 10,5m, 01 đoạn giáp đất chia cho anh H dài 12,8m; phía Bắc giáp đất ông D dài 23m ; trên đất gồm: Nhà cấp 4, giếng, bể + 41m² sân; trị giá tài sản trên đất là 22.469.000đ. Tổng giá trị tài sản anh C nhận là: 115.891.500đ (*Một trăm mười sáu triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Anh C, anh H được nhận tài sản là hiện vật sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản cho chị H và chị H.

* Đối với đất nông nghiệp: Phần đất của anh H và chị H được tách ra mỗi người được hưởng là 667,5m²; phần di sản thừa kế đất nông nghiệp mỗi xuất là 333,75m². Như vậy tổng đất nông nghiệp anh H và chị H mỗi người được nhận là: 1.001m², anh C và chị H mỗi người được nhận là 333,75m². Căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất thực tế của các đồng thừa kế và chủ trương chung của việc dồn điền đổi thửa của địa phương, xác định thửa đất số 147, tờ bản đồ số 33, thuộc xứ Đồng M có diện tích 510m² ; thửa đất số 277, 278 tờ bản đồ số 43 thuộc xứ Cửa đình có

diện tích là 468m², các thửa đất này có diện tích nhỏ, để thuận lợi cho việc canh tác và chăm bón của hộ sử dụng đất, Hội đồng xét xử giữ nguyên diện tích các thửa đất để giao cho 02 xuất thừa kế; đối với Thửa số 41, 104 tờ bản đồ số 24 thuộc xứ đồng gạch B có diện tích 1.692m², thửa đất này diện tích lớn nên chia cho tất cả các đồng thừa kế. Cụ thể: Giao anh Ngô Văn H được sử dụng thửa đất số 147, tờ bản đồ số 33 thuộc xứ Đồng M có diện tích là 510m²; phần diện tích đất thuộc thửa số 41, 104 tờ bản đồ số 24 xứ Đồng G B là 491,3m². Giao chị Ngô Thị H được sử dụng thửa đất số 277, 278 tờ bản đồ số 43 thuộc xứ Cửa đình có diện tích là 468m²; phần diện tích đất thuộc thửa số 41, 104 tờ bản đồ số 24 xứ Đồng G B là 533,3m². Giao anh Ngô Văn C và chị Ngô Thị H mỗi người được nhận 333,75m² thuộc thửa số 41, 104 tờ bản đồ số 24 xứ Đồng gạch B.

[6] Về phần nghĩa vụ tài sản cũng như các nội dung khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký và điều C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí Tòa án:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và cho phí đo đạc, định giá tài sản: Anh Ngô Văn H là nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng theo quy định tại Điều 156, 160 của Bộ luật tố tụng dân sự; chi phí hết 7.600.000 đồng, nay chia đều cho các đồng thừa kế mỗi người phải chịu 1.900.000 đồng, số tiền còn lại trả lại cho anh H là phù hợp với quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H, anh C, chị H, chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 609; Điều 610; Điều 612; Điều 613; Điều 614 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 65; Điều 660 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 26; Điều 227; Điều 147; Điều 273; Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 12; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn H về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Di sản thừa kế của ông Ngô Văn N và bà Ngô Thị K được phân chia như sau:

- Giao anh Ngô Văn H được sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm:

+ Đất ở, đất vườn và các tài sản trên đất: Anh Ngô Văn H sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm: Diện tích đất 176,7m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, địa chỉ: Đội 2, xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, trong đó đất ở (ONT) là 42m², đất vườn (CLN) là 134,7m² trị giá 31.102.000 đồng, có các cạnh: Phía Đông có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đất anh H dài 14,9, 01 đoạn giáp đất ông C dài 10,3; phía Tây giáp đất chia cho anh C dài 24,8m; phía Nam có 02 đoạn: 01 đoạn giáp đất anh H dài 10,7m, 01 đoạn giáp ngõ đi chung dài 2,8m; phía Bắc giáp đất chia cho anh C dài 12,8m; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 165658 ngày 31-12-2015 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Ngô Văn N; trên đất có các tài sản gồm: Bếp, công trình phụ khép kín (03 mặt tường) có diện tích 16,82m² và 25m² sân (25m² sân = 3.300.000đ), trị giá tài sản trên đất là 28.922.000đ. Tổng giá trị tài sản anh H nhận là: 60.024.000đ (*Sáu mươi triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

+ Đất nông nghiệp: Anh Ngô Văn H được quản lý, sử dụng diện tích các thửa đất gồm:

Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 33 thuộc xứ Đồng M diện tích 510m² có các cạnh: Phía bắc giáp đất bà L dài 14,25m; phía nam giáp đường ruộng dài 14,01m; phía đông giáp đất của bà L dài 36,2m; phía tây giáp đất ông B dài 36,26m;

Thửa đất số 41, 104 tờ bản đồ số 24 xứ Đồng G là 491,3m² có các cạnh: Phía Đông giáp đất ruộng chia cho chị H dài 61,8m; phía Tây giáp ruộng ông S dài 61,4m; phía Nam giáp ruộng ông C dài 8,0m; phía Bắc giáp đường ruộng dài 8,0m. Trong đó 333,75m² là di sản thừa kế anh H được nhận trị giá: 16.687.000đ.

Tổng trị giá tài sản anh H được nhận là: 76.711.000 đồng nhưng anh Ngô Văn H có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Ngô Thị H là 16.045.000 đồng. Trị giá tài sản còn lại anh Ngô Văn H được hưởng là 60.666.000 đồng.

- Giao anh Ngô Văn C được sở hữu, quản lý và sử dụng các tài sản gồm:

+ Đất ở, đất vườn và các tài sản trên đất: Anh C được sở hữu, quản lý và sử dụng diện tích đất 435,3m² thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2-I, địa chỉ: Đội 2, xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, trong đó đất ở (ONT) là 143m², đất vườn (CLN) là 292,3m² trị giá 93.422.500đ, có các cạnh: Phía đông có 02 đoạn: 01 đoạn

giáp đất chia cho anh H dài 24,8m, 01 đoạn giáp đất ông C dài 7,8m; phía Tây có 03 đoạn: 01 đoạn giáp đất ông T dài 17,4m; 02 đoạn giáp đất ông N dài 1,3m và 6,3m; phía Nam có 02 đoạn: 01 đoạn giáp ngõ đi chung dài 10,5m, 01 đoạn giáp đất chia cho anh H dài 12,8m; phía Bắc giáp đất ông D dài 23m ; trên đất gồm: Nhà cấp 4, giếng, bể + 41m² sân; trị giá tài sản trên đất là 22.469.000đ. Trị tài sản anh C được giao là: 115.891.500đ (*Một trăm mười sáu triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

+ Đất nông nghiệp: Anh C được quản lý, sử dụng diện tích đất thuộc thửa số 41,104 tờ bản đồ số 24 xứ Đồng G có diện tích là 333,75m² trị giá 16.687.000 có các cạnh: Phía Đông giáp đất ruộng chia cho chị H dài 62,7m; phía Tây giáp ruộng chia cho chị H dài 62,4m; phía Nam giáp ruộng ông C dài 5,35m; phía Bắc giáp đường ruộng dài 5,35m.

Tổng giá trị tài sản anh C được nhận là 132.578.500 đồng nhưng anh Ngô Văn C có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch bằng tiền cho chị Ngô Thị H là 27.933.500 đồng; chị Ngô Thị H là 43.979.000 đồng. Trị giá tài sản còn lại anh Ngô Văn C được hưởng là 60.666.000 đồng.

- Giao chị Ngô Thị H được quản lý, sử dụng diện tích đất nông nghiệp thuộc thửa số 41,104 tờ bản đồ số 24 xứ Đồng G có diện tích là 333,75m² trị giá 16.687.000đ, có các cạnh: Phía Đông giáp đất ruộng ông G dài 63m; phía Tây giáp ruộng chia cho anh C dài 62,7m; phía Nam giáp ruộng ông C dài 5,4m; phía Bắc giáp đường ruộng dài 5,22 m. Chị Ngô Thị H được nhận từ anh Ngô Văn C số tiền chênh lệch tài sản là: 43.979.000 đồng. Như vậy trị giá tài sản chị Ngô Thị H được thừa kế là 60.666.000 đồng.

- Giao chị Ngô Thị H được quản lý và sử dụng diện tích đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 277, 278 tờ bản đồ số 43 thuộc xứ Cửa đình có diện tích là 468m²m², có các cạnh: Phía Đông giáp đất bà H dài 12,91m; phía Tây giáp đường mương dài 12,2m; phía Nam giáp đất của ông H dài 37,6m; phía Bắc giáp đất ông K dài 37,07m.

Diện tích đất nông nghiệp thuộc thửa số 41, 104 tờ bản đồ số 24 xứ Đồng G là 491,3m² có các cạnh: Phía Đông giáp đất ruộng chia cho anh C dài 62,4m; phía Tây giáp ruộng chia cho anh H dài 61,8m; phía Nam giáp ruộng ông C dài 8,6m; phía Bắc giáp đường ruộng dài 8,6m. Trong đó 333,75m² là di sản thừa kế chị H được nhận trị giá: 16.687.000đ.

Chị Ngô Thị H được nhận tiền chênh lệch tài sản từ anh Ngô Văn H là 16.045.000 đồng; từ anh Ngô Văn C là 27.933.500 đồng. Tổng giá trị tài sản chị H được thừa kế là 60.665.500 đồng.

(Có sơ đồ phân chia đất ở, đất vườn và đất nông nghiệp kèm theo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quyết định của bản án.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn H đối với phần yêu cầu chia di sản thừa kế là số tiền gửi tiết kiệm và số tiền mặt của ông N để lại 41.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

* Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Buộc anh Ngô Văn H, anh Ngô Văn C, chị Ngô Thị H và chị Ngô Thị H mỗi người phải chịu 1.900.000 đồng; Anh H đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng; nay anh C, chị H, chị H mỗi người phải trả lại cho anh H 1.900.000 đồng; Đối trừ số tiền anh H phải nộp là 1.900.000 đồng thì anh H được trả lại 2.400.000 đồng và 5.700.000 đồng từ anh C, chị H, chị H.

* Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Ngô Văn H phải nộp 3.033.000đ (*Ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng*). Anh Ngô Văn H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0001907 ngày 14-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ, anh H được nhận lại số tiền là 2.967.000đ (*Hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

- Buộc anh Ngô Văn C phải nộp 3.033.600 đồng, chị Ngô Thị H, chị Ngô Thị H mỗi người phải nộp 3.033.000đ (*Ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng*)

Anh Ngô Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Ngô Văn C, chị Ngô Thị H, Ngô Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm